TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07-01-2020
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Như P, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Phúc T, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Như P trình bày: Vào năm 1993 bà và ông Trần Phúc T chung sống như vợ chồng, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp và thường xuyên tranh cải với nhau. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Phúc T. Về con chung, có một người tên là Trần Kinh K (giới tính nam), sinh năm 1994. Hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống nên bà không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Phúc T trình bày: Về thời gian kết hôn, không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn đúng như bà Nguyễn Như P đã khai. Nay hôn nhân không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Như P. Đối với Trần Kinh K hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống nên ông không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc bà Nguyễn Như P yêu cầu ly hôn ông Trần Phúc T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, bà Nguyễn Như P và ông Trần Phúc T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Như P và ông Trần Phúc T vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà Nguyễn Như P và ông Trần Phúc T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Như P và ông Trần Phúc T không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung, có một người tên là Trần Kinh K (giới tính nam), sinh năm 1994. Bà Nguyễn Như P và ông Trần Phúc T xác định con chung hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống nên không đặt ra xem xét.

[4] Bà Nguyễn Như P và ông Trần Phúc T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Như P chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận bà Nguyễn Như P và ông Trần Phúc T là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Như P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019643, ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà Nguyễn Như P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Như P và ông Trần Phúc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương